

BÌNH LUẬN VỀ DỰ THẢO NGHỊ ĐỊNH VỀ HỢP TÁC VÀ ĐẦU TƯ TRONG LĨNH VỰC GIÁO DỤC VỚI NƯỚC NGOÀI

*Người trình bày
AIE, RMIT và FPT*

Nhóm Công tác Giáo dục – Diễn đàn Doanh nghiệp Việt Nam hoan nghênh cơ hội được bình luận Dự thảo Nghị định “Ban hành các Quy định về Hợp tác và Đầu tư trong Lĩnh vực Giáo dục với Nước ngoài”. Chúng tôi xin trân trọng đề trình một số bình luận về Dự thảo như dưới đây. Những bình luận này được tổng hợp các ý kiến đóng góp của các chuyên gia GDĐT quốc tế và một số cơ sở GDĐT trong nước và nước ngoài tại Việt Nam là Tổ chức Giáo dục quốc tế Úc (AEI), Đại học công nghệ FPT, và Đại học RMIT.

Chúng tôi hy vọng các ý kiến đóng góp này sẽ được Bộ Giáo dục Đào tạo xem xét và phản ánh trong Nghị định, và mong được tiếp tục tham gia vào quá trình xây dựng Nghị định quan trọng này.

Bình luận chung:

Một trong những mục đích của Nghị định là thu hút đầu tư và kỹ năng kỹ thuật/quản lý của các cơ sở giáo dục nước ngoài có uy tín vào Việt Nam. Vì vậy bản nghị định cần phải được xây dựng trên cơ sở cụ thể hóa và theo dõi các kết quả đầu ra hơn là xác định các danh mục và tiêu chí đầu vào. Điều này sẽ cho phép chính phủ quản lý tốt hơn chất lượng của các dự án đầu tư hợp tác nước ngoài trong GDĐT. Dự thảo Nghị định cần được xem xét sửa đổi để phản ánh tinh thần nêu trên.

Đối tượng chính tham gia hợp tác với các cơ sở của Việt Nam trong lĩnh vực GDĐT dự kiến sẽ là các tổ chức/doanh nghiệp tư nhân nước ngoài, những người sẽ đưa các tri thức KHKH tiên tiến, kỹ năng hiện đại cũng như kinh nghiệm chuyên môn về quản lý trong lĩnh vực GDĐT vào Việt Nam. Chính vì vậy, khả năng đáp ứng của khu vực tư nhân nói chung sẽ hiệu quả hơn nếu Chính phủ có cách tiếp cận phù hợp với các thông lệ quốc tế được công nhận.

Ấn tượng chung là Dự thảo Nghị định còn cứng nhắc (ngược với mục tiêu và hiệu quả) và còn nhiều điểm chưa rõ ràng. Các nhà đầu tư tiềm năng có thể bị ngăn cản bởi những quy định không rõ ràng, cứng nhắc đến mức không cần thiết, và/hoặc những yêu cầu về báo cáo quá rườm rà. Có nhiều điểm cần phải làm rõ hơn để tránh gây hiểu nhầm cho nhà đầu tư. Chúng tôi hy vọng rằng Dự thảo sẽ được tiếp tục sửa đổi nhằm đạt được sự cân bằng giữa việc đảm bảo chất lượng/tiêu chuẩn giáo dục, với việc tạo điều kiện thuận lợi cho nhà đầu tư thông qua việc đưa ra những yêu cầu rõ ràng và ít cứng nhắc hơn.

Bình luận cụ thể các điều khoản trong Dự thảo Nghị định:

Điều 3: Lĩnh vực khuyến khích hợp tác, đầu tư

Điểm 3.1

Dự thảo viết:

“Đào tạo nhân lực kỹ thuật trực tiếp trong sản xuất, dịch vụ có tay nghề, trình độ cao thuộc các lĩnh vực công nghệ thông tin, tin học công nghiệp, viễn thông, cơ điện tử, cơ khí chính xác, bảo dưỡng công nghiệp, công nghệ thực phẩm, điện tử, thương mại điện tử, bảo vệ môi trường, nông nghiệp, du lịch, năng lượng, xây dựng và một số lĩnh vực

khác cần thiết cho sự phát triển kinh tế của Việt Nam nhưng Việt Nam chưa có khả năng đào tạo”.

Bình luận

Có phải quy định này có nghĩa là hợp tác và đầu tư của nước ngoài chỉ được khuyến khích vào những lĩnh vực đào tạo chưa có ở Việt Nam trong các ngành nêu trên, hay là chỉ liên quan đến những “lĩnh vực khác”? Giả sử chỉ liên quan đến những “lĩnh vực khác”, còn những lĩnh vực quy định ở 3(1) dù Việt Nam đã có đào tạo nhưng vẫn khuyến khích thì từ ngữ sử dụng trong Điều này nên chính lại cho rõ nghĩa hơn, ví dụ sử dụng từ “*hoặc* những lĩnh vực khác” thay vì “*và* những lĩnh vực khác”. Còn nếu chỉ khuyến khích đầu tư vào những lĩnh vực chưa có dịch vụ đào tạo ở Việt Nam trong các ngành liệt kê ở 3 (1) thì dự thảo Nghị định quá hạn hẹp và dường như trái với các cam kết WTO.

Điều 4: Hình thức hợp tác, đầu tư

Điểm 4.1.d

Dự thảo viết:

“Các hình thức khác do hai bên thoả thuận và được Bộ Giáo dục và Đào tạo và Bộ Lao động, Thương binh và Xã hội chấp thuận”.

Bình luận:

Quy định này không hợp lý, nếu “*khác*” mà phải đi xin Bộ “*chấp thuận*” mới được làm thì các trường bị không thể thực hiện được. Chúng tôi đề nghị bỏ điều này.

Điều 5: Thời hạn hoạt động

Dự thảo viết:

“Thời hạn hoạt động của chương trình liên kết đào tạo không vượt quá năm (05) năm tính từ ngày Đề án được phê duyệt và có thể được gia hạn, mỗi lần gia hạn không quá năm (05) năm”.

Bình luận:

Đề nghị làm rõ điều này. Như vậy sau năm (05) năm, cơ sở giáo dục lại phải xin cấp phép lại từ đầu?

Điều 7: Điều kiện thực hiện liên kết đào tạo

- **Điểm 7.1.a - Điều kiện về đội ngũ nhà giáo đối với giáo dục nghề nghiệp**

Bình luận

Cần có những yêu cầu về năng lực của giáo viên đào tạo quy định ở đây.

- **Điểm 7.3 - Cơ sở vật chất thiết bị**

Dự thảo viết:

“Cơ sở vật chất, thiết bị cần thiết cho việc tổ chức chương trình liên kết đào tạo bao gồm phòng học, phòng máy tính, phòng học tiếng, phòng thực hành, phòng thí nghiệm, thư viện và các trang thiết bị cần thiết khác và phải đảm bảo cho người học, giáo viên và giảng viên được làm việc trong các điều kiện đảm bảo chất lượng, phù hợp với quy định chuẩn của Việt Nam và nước ngoài.”

Bình luận:

“Phù hợp với quy định chuẩn của Việt Nam và nước ngoài” là một cụm từ mơ hồ gây nên những diễn giải khác nhau. Cần có những định nghĩa rõ ràng về tiêu chuẩn quy

định đối với các nhà đầu tư tiềm năng. Bộ Giáo dục cần làm rõ điều này trong Thông tư hướng dẫn Nghị định.

- **Điểm 7.9.b** - Điều kiện thực hiện chương trình liên kết đào tạo từ xa qua mạng

Dự thảo viết:

“Ngoài đội ngũ giáo viên đã được quy định tại khoản 2 Điều này, khi thực hiện chương trình liên kết đào tạo từ xa qua mạng, cơ sở giáo dục tổ chức đào tạo từ xa qua mạng bắt buộc phải có đội ngũ cố vấn học tập. Những người này phải có chứng chỉ đào tạo, bồi dưỡng về nghiệp vụ đào tạo từ xa và có khả năng, điều kiện tham gia giảng dạy, hướng dẫn học tập qua mạng tin học - viễn thông”.

Bình luận:

Chúng tôi không rõ “*chứng chỉ đào tạo, bồi dưỡng về nghiệp vụ đào tạo từ xa*” là chứng chỉ gì, và cơ quan nào có thẩm quyền cấp. Chúng tôi đề xuất nên bỏ điều này.

Điều 11: Trách nhiệm của các bên liên kết

- **Điểm 11.5. b** – Quy trình báo cáo

Dự thảo viết:

“Báo cáo bao gồm các nội dung liên quan đến việc triển khai thực hiện các quy định ghi trong Quyết định phê duyệt Đề án tổ chức thực hiện chương trình liên kết đào tạo, tổ chức giảng dạy, kết quả học tập của học sinh, sinh viên, số lượng và tỷ lệ tốt nghiệp, văn bằng, chứng chỉ được cấp, báo cáo kiểm toán tài chính, những khó khăn, thuận lợi trong quá trình triển khai, đề xuất, kiến nghị.”

Bình luận:

Những yêu cầu về báo cáo quá rộng, không giới hạn và thiếu cụ thể, ví dụ như “*những khó khăn, thuận lợi trong quá trình triển khai*”. Cần đưa ra những hướng dẫn cụ thể hơn về yêu cầu báo cáo: các yêu cầu cần rõ ràng, hợp lý và không nên gây thêm gánh nặng cho nhà đầu tư.

Điều 18: Vốn đầu tư

Bình luận:

- Suất đầu tư tối thiểu nghĩa là gì? Những con số về số tiền đầu tư tối thiểu tính trên đầu người được tính toán thế nào? Có cần thiết/hợp lý khi đưa ra con số này không? Quy định này có áp dụng với mọi “cá nhân” tham gia học tập tại trường không tính đến yếu tố thời gian (học bán thời gian khác với toàn phần) HOẶC được tính toán dựa trên đầu sinh viên học toàn thời gian quy đổi?
- Suất đầu tư tối thiểu bao gồm những yếu tố nào? Nếu định nghĩa không cụ thể hơn, nó có thể dẫn đến những cách tính toán hành chính phức tạp, đặc biệt đối với các trường đang hoạt động, và có thể gây nên tranh cãi. Đây là một cách tiếp cận quá cứng nhắc và không xét đến những chi phí về xây dựng cũng như những chi phí khác ở Việt Nam. Quy định cũng chỉ tập trung vào việc xây dựng, thành lập trường – còn nguồn tài chính cho các chi phí thường xuyên như giáo viên, đào tạo, tài liệu, thiết bị, điện nước, viễn thông v..v thì sao?

Điều 19: Cơ sở vật chất

Bình luận:

Mặc dù ý định của điều này nhằm nâng cao chất lượng giáo dục là rất đáng khen ngợi, nhưng những quy định này (về địa điểm xây dựng trường, quy mô, loại hình cơ sở) còn rất cứng nhắc. Không rõ những quy định này được hình thành trên cơ sở nào.

Ngoài ra, cần mở rộng và nghiên cứu sâu hơn để làm rõ những vấn đề sau:

- Những quy định này trong một số trường hợp có thể vượt quá xa phạm vi nguồn lực hạ tầng cơ sở vật chất của tổ chức nước ngoài cấp vốn cho các dự án đầu tư giáo dục tại Việt Nam.
- Có phải các quy định này được tính toán gộp dựa trên cơ sở “toàn quốc” cho toàn bộ các cơ sở trên Toàn Quốc của một tổ chức giáo dục hay được tính riêng rẽ cho từng địa điểm của tổ chức giáo dục?
- Khái niệm sinh viên ở đây được xác định như thế nào – người tham dự khóa học một tuần vài buổi lần người tham dự cả tuần (toàn thời gian); hay chỉ tính những sinh viên học tập toàn thời gian?
- Tiêu chí thế nào nếu có tham dự nhiều phiên học trong một ngày? Ví dụ, phiên sáng và chiều với những nhóm sinh viên khác nhau?
- Về vấn đề thuê đất và sự phù hợp của địa điểm, xử lý tính huống thế nào nếu tổ chức giáo dục không thể thuê đất để xây dựng cơ sở giáo dục trong khu vực có tiềm năng hấp dẫn thị trường giáo dục?
- Trong phạm vi nào thì cơ sở vật chất là nhà cao tầng có thể thay thế để đáp ứng các yêu cầu về diện tích đất.

Xem xét lại lịch sử lâu dài của nhiều cơ sở giáo dục đại học tại Việt Nam, dường như không khả thi trong việc cố gắng đạt được diện tích đất trên đầu sinh viên tại các trường nước ngoài tương đương như định mức tại các trường Việt Nam hiện nay. Về diện tích xây dựng tính trên đầu mỗi sinh viên, cần chú trọng đến chất lượng của cơ sở vật chất hơn là tập trung vào số lượng như quy định bao nhiêu mét vuông trên mỗi sinh viên hiện nay. Dự thảo nghị định dường như đang theo hướng chỉ tập trung vào số lượng.

Điều 20: Chương trình giảng dạy

Điểm 4

Dự thảo viết:

“Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo, Bộ trưởng Bộ Lao động, Thương binh và Xã hội quy định các môn học bắt buộc đối với người học là công dân Việt Nam theo học các chương trình đào tạo của nước ngoài tại các cơ sở giáo dục đại học, các trường cao đẳng nghề, trung cấp nghề có vốn đầu tư nước ngoài.”

Bình luận:

Mục này cần làm rõ những nội dung sau:

- Trong phạm vi nào Bộ trưởng Bộ Giáo dục Đào tạo và Bộ Lao động quyết định môn học bắt buộc cho các sinh viên Việt Nam theo học các chương trình liên kết đào tạo với nước ngoài tại các cơ sở giáo dục có vốn đầu tư nước ngoài?
- Nếu có những yêu cầu bắt buộc thì ai được phép giảng dạy những môn học này?
- Có thể tiến hành giảng dạy các môn học này bằng các ngôn ngữ nước ngoài không?
- Ai quyết định chương trình học, Bộ hay Trường?
- Ai kiểm định chất lượng khóa học nếu không phải là Trường?

Điều 21: Đội ngũ nhà giáo

Bình luận:

Cần làm rõ những điểm sau:

- Tỷ lệ sinh viên/giáo viên dường như đi xa quá mức cần thiết để đạt được kết quả giáo dục thành công (10 /1 cho các ngành học năng khiếu). Ngành học năng khiếu được định nghĩa thế nào?
- Tỷ lệ sinh viên/ giáo viên được xác định thế nào?
- Tỷ lệ sinh viên/giáo viên có thể được xác định là mức trung bình trong toàn trường được không?
- Tỷ lệ giáo viên có bằng thạc sỹ/tiến sỹ có áp dụng cho toàn thể trường đại học không? Đối với các giáo viên dạy tiếng Anh tại các trường Đại học thì sao?

Điều 41: Thẩm quyền cấp Giấy chứng nhận đủ điều kiện hoạt động

Điểm 1:

Dự thảo viết:

“Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo cấp Giấy chứng nhận đủ điều kiện hoạt động cho cơ sở giáo dục đại học và chi nhánh của những cơ sở này.”

Bình luận:

Bộ trưởng Bộ Giáo dục Đào tạo nên cấp giấy chứng nhận đủ tiêu chuẩn cho các trường cao đẳng, chứ không chỉ cho đại học và chi nhánh của các cơ sở đại học.

Điều 48: Văn phòng đại diện của tổ chức, cơ sở giáo dục nước ngoài

Điểm 3:

Dự thảo viết:

“Văn phòng đại diện giáo dục nước ngoài không được phép thành lập Văn phòng đại diện hoặc chi nhánh Văn phòng đại diện ở Việt Nam.”

Bình luận:

Đề nghị cho biết cơ sở nào để quy định không cho phép Văn phòng Đại diện của cơ sở giáo dục đào tạo nước ngoài ở Việt Nam mở văn phòng đại diện hay chi nhánh của mình?

Điều 58: Cơ chế tài chính của chương trình liên kết đào tạo với nước ngoài

Điểm 3

Dự thảo viết:

*“Nguồn thu của hoạt động liên kết đào tạo chỉ được sử dụng để bù đắp chi phí của hoạt động đào tạo, tái đầu tư để phát triển, lập quỹ học bổng, trả nợ vay (nếu có) và **không được chuyển tiền ra nước ngoài** (trừ việc trả nợ vay, lãi nợ vay và thanh toán các hợp đồng mua sắm thiết bị dùng trong đào tạo và nghiên cứu khoa học.”*

Bình luận:

Nếu quy định không cho phép chuyển tiền ra nước ngoài thì việc thanh toán cho đối tác liên kết đào tạo sẽ thực hiện thế nào? Phải chăng quan điểm của nhà nước là chỉ chấp nhận liên kết theo hình thức phi lợi nhuận với đối tác nước ngoài? Chúng tôi đề xuất bỏ quy định này.

Điều 68: Áp dụng pháp luật đối với văn phòng đại diện và cơ sở giáo dục có vốn đầu tư nước ngoài đang hoạt động trước khi Nghị định này có hiệu lực

Dự thảo viết:

“1. Văn phòng đại diện giáo dục nước ngoài và cơ sở giáo dục có vốn đầu tư nước ngoài đã được phép thành lập và hoạt động tại Việt Nam trước khi ban hành Nghị định này không phải xét duyệt lại, nhưng phải bổ sung, hoàn chỉnh hồ sơ trong thời hạn 60

(sáu mươi) ngày kể từ ngày Nghị định này có hiệu lực và phải thực hiện đầy đủ các quy định của Nghị định này.

2. Văn phòng đại diện giáo dục nước ngoài và các cơ sở giáo dục có vốn đầu tư nước ngoài hiện đang hoạt động tại Việt Nam, nhưng chưa được cấp phép thành lập và hoạt động, trong thời hạn 60 (sáu mươi) ngày kể từ ngày Nghị định này có hiệu lực, phải làm thủ tục cấp giấy phép theo các quy định của Nghị định này, nếu quá thời hạn nói trên thì buộc phải chấm dứt hoạt động và xử lý theo quy định của pháp luật.”

Bình luận:

- Mức độ ảnh hưởng của Nghị định đến các trường đã được cấp bằng hoạt động tại Việt Nam trước khi văn bản này có hiệu lực?
- Nếu có yêu cầu các trường đã được cấp phép hoạt động tại Việt Nam trước khi Nghị định ra đời phải thực hiện đầy đủ các nội dung của Nghị định mới thì khung thời gian cho việc triển khai này là bao lâu?
- Trường hợp các yêu cầu của Nghị định là quá cao và các cơ sở giáo dục đã được cấp phép không đáp ứng nổi thì quyền khiếu nại của các cơ sở này như thế nào?